TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST Ngày 14 - 11 – 2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hải Quân.

Ông Nguyễn Hữu Hải.

- T ký phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên, T ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh T kết hôn năm 2009, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh

chị chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do anh T đi sang Đài Loan làm việc đã có quan hệ với rất nhiều người phụ nữ khác, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013. Hiện hai con đang ở cùng với chị, khi ly hôn chị T xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2019 bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H. Được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức đám cưới theo nghi lễ cổ truyền, không bị ai ép buộc lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì cả hai vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến tháng 7/2018 anh về Việt Nam, khoảng 06 tháng sau chị T cũng trở về, hai vợ chồng cùng sinh sống tại xã M. Thời điểm này anh T làm công việc liên quan đến xuất khẩu lao động do đặc thù công việc thường xuyên phải xa nhà thời gian dài và tiếp xúc với nhiều người, nhất là khi kế toán của công ty là nữ, đã làm chung việc với anh hơn 3 năm nên chị T càng không tin tưởng anh. Chị T còn ghen tuông với một người bạn ở bên Đài Loan vì nghi ngờ anh có tình cảm với người đó. Anh đã cố gắng giải thích nhưng chị không nghe. Anh đã biết chị T làm đơn xin ly hôn tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không xúc phạm cãi vã và hiện vẫn đang chung sống với nhau. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Trong trường hợp nếu vợ chồng anh ly hôn với nhau thì anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nhưng vẫn có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh T đều vắng mặt, không có lý do. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, T ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Nguyễn Hoàng Kiều A là muốn được ở cùng với mẹ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Anh T có địa chỉ tại Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Anh T nhưng anh Nguyễn Anh T cố tình vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/10/2019 và phiên tòa hôm nay không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, giao văn bản cho người thân thích cũng như đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Việc vắng mặt của anh T không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2009 chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở

hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị T và anh T hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau, không còn yêu Tơng, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh Nguyễn Văn T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và yêu cầu về đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, thương yêu, tin tưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã nghiêm trọng không thể khắc phục để đoàn tụ vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho cả hai bên. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013. Hiện hai con đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T, khi ly hôn chị T xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh Nguyễn Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét thấy hiện nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013, chị T vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt đối với các con và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng Kiều A muốn được ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị T. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2019, anh T cũng đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con đến khi trưởng thành. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013. Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T - Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Anh T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Kiều A, sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000054, ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết